

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2021/HS-ST**

Ngày: 25-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi và ông Nguyễn Quốc Nghị

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2021/TLST-HS ngày 11/9/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HS ngày 14/9/2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D (tên gọi khác: T), sinh năm 1984 tại Thái Nguyên; nơi ĐKTT: Đội 1, thôn B, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M; không có chồng và có một con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2021, đến ngày 21/7/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. NLQ2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Người làm chứng: Anh Đào Văn M; có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 18/5/2021, NLQ1 đến phòng trọ của Nguyễn Thị D (tên gọi khác: T) ở Thôn T, xã L, huyện T để vay tiền. Tại đây, D cho NLQ1 vay số tiền 170.000.000 đồng, thời gian 02 tháng, lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày. D viết giấy vay nợ có nội dung số tiền 170.000.000 đồng nhưng không ghi mức lãi suất và NLQ1 ký tên vào phần người vay. Trong thời gian cho vay, D nhiều lần nhắn tin và gọi điện đòi NLQ1 tiền lãi và nhắc thời hạn trả tiền. Do không đủ tiền

trả tiền gốc và lãi để trả cho D một lần, nên 9 giờ 10 phút ngày 18/7/2021 NLQ1 mang đến phòng trọ của D trả số tiền lãi 02 tháng là 40.800.000 đồng và tiền gốc 10.000.000 đồng. Khi D nhận tiền do NLQ1 trả thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tại công văn số 815 ngày 20/7/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hải Dương xác định mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay gốc /01 ngày quy ra tỷ lệ phần trăm (%) là 146,0%/năm. Số tiền lãi tính trên số tiền vay gốc 170.000.000 đồng, thời hạn tính lãi 60 ngày, với mức lãi suất 20%/năm là 5.589.041 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, mức lãi suất D cho NLQ1 vay là 146%, cao gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ luật dân sự (20%). Số tiền D thu lời bất chính là 40.800.000 đồng - 5.589.041 đồng = 35.210.959 đồng.

Tại Kết luận giám định số 65/KLGĐ ngày 31/8/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết có nội dung chi Nguyễn Thị T cho NLQ1 vay tiền trên tài liệu cần giám định với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh và chữ viết của Nguyễn Thị D trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 11/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Thị D (tên gọi khác: T) ra trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện để xét xử về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt; NLQ1 xác định trong số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 35.210.959 đồng, anh đã được nhận 35.210.000 đồng, đề nghị sung quỹ nhà nước số tiền lẻ 959 đồng; NLQ2 xác định không biết bị cáo sử dụng điện thoại anh cho mượn vào mục đích phạm tội và đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại để sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D (T) phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng sung quỹ nhà nước. Hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không phạt bổ sung đối với bị cáo. Xử lý vật chứng: Vận dụng hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại khoản 1 mục I Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019; áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 175.590.000 đồng; trả lại cho NLQ2, sinh năm 1979, ở Khu T, thị trấn T, huyện T chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng, số IMEI 357272098896941, đã qua sử dụng; tịch thu tiêu hủy 01 SIM thuê bao

0362.945.743. Về trách nhiệm dân sự: Không. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật TTHS, Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 18/5/2021 đến ngày 18/7/2021, tại phòng trọ của mình tại Thôn T, xã L, huyện T, Nguyễn Thị D đã cho NLQ1, sinh năm 1988, trú tại Thôn A, xã H, huyện T vay số tiền 170.000.000 đồng với mức lãi suất gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 35.210.959 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến lợi ích của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi, vẫn cố ý thực hiện, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo,

Hội đồng xét xử thấy có thể áp dụng đối với bị cáo hình phạt chính là phạt tiền, tạo điều kiện giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm và cũng có tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt, đồng thời bảo đảm mục đích đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Số tiền 175.590.000 đồng đã thu giữ, bao gồm: 170.000.000 đồng bị cáo cho vay (tiền gốc) là phương tiện phạm tội; số tiền 5.589.041 đồng lãi tương ứng với lãi suất 20%/ năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm; số tiền 959 đồng NLQ1 từ chối nhận cần tịch thu để sung quỹ nhà nước. Chiếc điện thoại Iphone XS Max màu vàng, số IMEI 357272098896941, đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu của NLQ2. NLQ2 cho bị cáo mượn nhưng không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho NLQ2. Chiếc SIM có số thuê bao 0362.945.743 của bị cáo, lắp vào điện thoại mượn của NLQ2 để sử dụng và có dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 35.210.959 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của NLQ1 nên được trả lại cho NLQ1. NLQ1 đã nhận 35.210.000 đồng, tự nguyện sung quỹ Nhà nước số tiền 959 đồng nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị D (tên gọi khác: T) phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D (tên gọi khác: T) 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị D (tên gọi khác: T) từ ngày 25/9/2021.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 175.590.000 đồng (gồm 170.000.000 đồng là phương tiện phạm tội, 5.589.041 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm và 959 đồng người liên quan từ chối nhận); trả lại NLQ2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng, số IMEI 357272098896941, đã qua sử dụng; tịch thu và tiêu hủy 01 SIM có số thuê bao 0362.945.743 của bị cáo (*vật chứng có đặc điểm ghi tại Biên*

bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền và nghĩa vụ; thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện Thanh Miện;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính